TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HS-ST
Ngày: 18-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Xuân Nam

2. Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký viên Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 69/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đinh Văn T (tên gọi khác: N1); sinh năm: 2000 tại Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi ở: C N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn T1 (chết) và bà: Nguyễn Thị M; tiền án: 01: Ngày 14/8/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Bản án số 418/2020/HSST; tiền sự: Không; bị bắt giữ từ ngày 10/01/2022 đến ngày 13/01/2022 được tại ngoại. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị Kim N2 - sinh năm 1971. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: I P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1967. *(có mặt)*

Địa chỉ: C N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Xuân H - sinh năm 1970. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: 1 V, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 24/4/2021, Tổ công tác Công an P, quận P đang đi tuần tra địa bàn; khi đi đến trước nhà số I P, Phường B, quận P thì phát hiện Đinh Văn T và Nguyễn Tiến Đ có hành vi chửi bới bà Trần Thị Minh N3 nên tổ công tác đưa tất cả về Công an P, quận P làm việc.

Qua điều tra ban đầu xác định: Từ giữa tháng 3/2021, Đinh Văn T và Nguyễn Tiến Đ xác định hùn vốn mỗi người 100 triệu đồng kinh doanh hoạt động cho vay lãi nặng; để phục vụ việc cho vay tiền, T và Đức in danh thiếp giới thiệu hình thức cho vay không tín chấp, không thế chấp, chỉ cần có chứng minh nhân dân, căn cước công dân và hộ khẩu, rồi điều khiển xe đi rải danh thiếp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; khi người có nhu cầu vay thì liên hệ số điện thoại 0337847368 gặp H1 (tên gọi do T lấy để liên lạc), 0332883350 gặp N1 (tên tự xưng của T), sau đó T và Đ sẽ đi đến địa chỉ nhà của bên vay kiểm tra giấy tờ và địa chỉ nhà trùng khớp với nhau thì giao dịch, việc gặp người vay và thu tiền hằng ngày đều do T làm trực tiếp, Đ chỉ đi theo và đứng ngoài xe đợi, có ngày đi thu tiền thì T đi một mình, tiền thu lợi thì cuối tháng T mới tổng kết và chia tiền cho Đ. Việc cho vay từ ngày 26/3/2021 đến khi bị phát hiện thì chỉ mới bị cáo tự bỏ vốn ra cho vay, việc thu tiền vốn và lãi từ người vay đều do bị cáo trực tiếp thu và đang quản lý, chưa tất toán ăn chia gì với Đ.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 26/3/2021, Đinh Văn T cho bà Trần Thị Kim N2 vay 5.000.000 đồng, góp 24 ngày mỗi ngày 250.000 đồng với lãi suất 0,83 %/ngày x 365 ngày = 302,95%/năm, phí 10 % trên tổng số tiền vay là 500.000 đồng, thu trước 02 ngày là 500.000 đồng, T đưa bà N2 4.000.000 đồng và đóng tiếp 22 ngày mới chấm dứt khoản vay; hằng ngày từ 15 giờ đến 16 giờ thì T và Đ chạy xe máy đến đầu hẻm I P, Phường B, quận P rồi gọi bà N2 ra lấy tiền, khi nào bà N2 bận việc thì T yêu cầu chuyển tiền qua ví điện tử Momo đăng ký số điện thoại 0981828820 do Tư đứng tên; bà N2 đóng được 11 ngày là 2.750.000 đồng, còn thiếu 2.250.000 đồng (số tiền này đã chuyển thành tiền nợ của khoản vay thứ 2) coi như bà N2 đã tất toán khoản này tổng cộng là 6.500.000 đồng (5.000.000 đồng vốn gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, phí vay 500.000 đồng).

Lãi suất: 1.000.000 đồng (20% : 24 ngày = 0,83% x 365 ngày = 302,95%/năm), trong đó lãi suất hợp pháp: 0,0548% (20% : 365 ngày) x 24 ngày x 5.000.000 đồng =

65.760 đồng, lãi suất bất hợp pháp đồng thời là thu lợi bất chính: 1.000.000 đồng – 65.760 đồng = 934.240 đồng.

Khoản vay thứ 2: Bà Nguyệt muốn vay thêm 5.000.000 đồng góp 24 ngày mỗi ngày 250.000 đồng với lãi suất 0,83 %/ngày x 365 ngày = 302,95%/năm, sau khi trừ tiền nợ 11 ngày (2.750.000 đồng) và thu 02 ngày trước thì T đưa cho bà N2 1.750.000 và không lấy phí 10%. Bà Nguyệt góp 06 ngày, thu tổng cộng được: 2.000.000 đồng; trong đó vốn gốc: 1.668.000 đồng, lãi suất: 332.000 đồng, lãi suất hợp pháp: 21.920 đồng; lãi suất bất hợp pháp đồng thời là thu lợi bất chính: 332.000 đồng – 21.920 đồng = 310.080 đồng

Sau đó bà N2 không đóng được nữa, nên T và Đ gặp bà N2 cự cãi và bị Công an mời về trụ sở làm việc như đã nêu trên.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định có 07 người khác vay tiền của T và Đ với hình thức cho vay nêu trên. Tuy nhiên, những người này từ chối làm việc và không cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc vay tiền, T không nhớ rõ địa chỉ giao nhận tiền (Đ chỉ nhớ thu tiền gần nhà người vay tiền cư trú), nên hiện chưa có cơ sở để ghi lời khai làm rõ. Cơ quan điều tra Công an quận P đã thông báo đến các Cơ quan điều tra có thẩm quyền để làm rõ vụ việc xảy ra trên địa bàn người vay tiền cư trú tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được hiện tại và nhân thân của bị can; ngày 29/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P khởi tố, điều tra Đinh Văn T về hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Quá trình điều tra, Đinh Văn T bỏ trốn, đến ngày 08/01/2022 đến Công an xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng đầu thú. Sau đó, chuyển Cơ quan điều tra Công an quận P quyết định phục hồi điều tra đối với Đinh Văn T.

Đối với Nguyễn Tiến Đ, là người cùng tham gia với Đinh Văn T cho vay, qua xác minh Đ chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Tiến Đ.

Tại Cáo trạng số 74/CT-VKSPN ngày 24/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố Đinh Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201,

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 01(một) năm 0 6(sáu) tháng đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đinh Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung dữ liệu điện tử trong điện thoại di động, bản sao kê tài khoản ngân hàng, vật chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Đinh Văn T đã thực hiện hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" với lãi suất gấp 05 lần trở lên so với lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm (cụ thể lãi suất cho vay là 302,95%/năm) và mặc dù thu lợi bất chính tổng cộng: 934.240 đồng +

310.080 đồng = 1.244.320 đồng (dưới mức định lượng cấu thành cơ bản của tội phạm là 30.000.000 đồng) nhưng bản thân bị cáo đã bị kết án về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" (Ngày 14/8/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Bản án số 418/2020/HSST ngày 14/8/2020), chưa được xóa án tích; nên hành vi lần này bị truy tố và xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải đưa bị cáo ra xét xử trước pháp luật và áp dụng hình phạt nghiêm khắc theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng có nêu đối với trường hợp phạm tội của bị cáo; đồng thời miễn khấu trừ thu nhập do hoàn cảnh khó khăn không nghề nghiệp ổn định .

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với khoản thu lợi bất chính mà bị cáo có được từ việc thu phần lãi suất cao hơn lãi suất quy định của pháp luật từ người vay và phí vay ban đầu, có cơ sở xác định là: 1.244.320 đồng + 500.000 đồng = 1.744.320 đồng; vậy căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ9-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại khoản tiền trên cho người vay (bà Trần Thị Kim N2).

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đối với các khoản tiền vốn mà bị cáo đã cho vay lãi nặng và thu hồi được, tổng cộng xác định được là: 5.000.000 đồng (khoản vay 1) + 1.668.000 đồng (khoản vay 2)

= 6.668.000 đồng; đây là công cụ phương tiện phạm tội vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại.

Đối với các khoản lãi suất theo quy định của pháp luật mà bị cáo có được từ hoạt động cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự (lãi suất hợp pháp), có cơ sở xác định được: 65.760 đồng + 21.920 đồng = 87.680 đồng (từ bà Trần Thị Kim N2); vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại.

Đối với khoản tiền gốc mà người vay bà Trần Thị Kim N2 chưa trả, có cơ sở xác định là: 5.000.000 đồng - 1.668.000 đồng = 3.332.000 đồng; đây là khoản tiền mà bị cáo dùng vào việc phạm tội, vậy căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, bà Trần Thị Kim N2 có trách nhiệm giao nộp lại.

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu vàng bạc đen, biển số 59X2-048.76, số khung: RLHJF1802AY716561, số máy: JF27E-0573830, là Tư mượn của mẹ là bà Nguyễn Thị M để sử dụng hàng ngày đi thu tiền nhưng T không cho mẹ mình biết việc thu tiền mà chỉ nói là đi chơi, qua xác minh đăng ký xe là của ông Nguyễn Xuân H, địa chỉ 1 V, Khu phố A, phường B, thành phố T, ông H không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành ghi lời khai làm rõ; về phía bà M khai mua xe trên tại một cửa hàng sửa chữa xe máy không làm giấy mua bán xe, còn giấy tờ xe đã bị thất lạc; nên hiện chưa xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, do vậy giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo trong thời hạn nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận, thì đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trả lại chiếc xe trên cho bà Nguyễn Thị M.

Đối với: 78 tờ giấy quảng cáo kích thước 06 cm x 10,5 cm, nội dung: Hỗ trợ tài chính số điện thoại 0337847368 và 02 tờ giấy quảng cáo kích thước 5,5 cm x 9 cm, nội dung: Hỗ trợ tài chính cho vay trả góp, số điện thoại 0938266423, 0904058587; là tài liệu liên quan đến vụ án; vậy căn cứ vào Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với: 01 ổ khoá bằng kim loại, màu bạc; 01 chai keo 502, màu trắng; 01 sợi dây xích bằng kim loại, màu bạc, dài khoảng 60cm; T và Đ khai sử dụng để khóa cửa nhà của những người vay không trả tiền mục đích để uy hiếp tinh thần để những người vay trả tiền, là công cụ, phương tiện phạm tội, nhưng không đáng giá trị; vậy căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh dương, số imei: 357732102299481, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số imei: 356971098655311; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, số imei: 357329098575956 (không kiểm tra được số imei); thu giữ của Đinh Văn T là công cụ sử dụng để cho vay, vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 thẻ ATM ngân hàng MB số 4089041023524218; 01 thẻ ATM ngân hàng T2 số 9704078886989132 là của bị cáo T sử dụng cá nhân, do vậy giao trả lại cho bị cáo Đinh Văn T.

Đối với số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), hiện nộp tại kho bạc Nhà nước quận P, là của T sử dụng cá nhân, nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo việc thi hành án

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án hoặc trích sao bản án.

Giao bị cáo Đinh Văn T cho Ủy ban nhân dân phường N4 (Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo T.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ9-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm trả lại khoản tiền (thu lợi bất chính) 1.744.320 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng) cho bà Trần Thị Kim N2.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước các khoản tiền:

+ 6.668.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng), bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm giao nộp lại.

+ 3.332.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng), bà Trần Thị Kim N2 có trách nhiệm giao nộp lại.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 87.680 đồng (tám mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng), bị cáo Đinh Văn T có trách nhiệm giao nộp lại.

- Căn cứ vào Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; lưu vào hồ sơ vụ án: 78 tờ giấy quảng cáo kích thước 06 cm x 10,5 cm, nội dung: Hỗ trợ tài chính số điện thoại 0337847368; 02 tờ giấy quảng cáo kích thước 5,5 cm x 9 cm, nội dung: Hỗ trợ tài chính cho vay trả góp, số điện thoại 0938266423, 0904058587.

- Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 ổ khoá bằng kim loại, màu bạc; 01 chai keo 502, màu trắng; 01 sợi dây xích bằng kim loại, màu bạc, dài khoảng 60cm.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh dương, số imei: 357732102299481, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số imei: 356971098655311; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, số imei: 357329098575956 (không kiểm tra được số imei).

+ Giao Chi cục thi hành dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo với thời hạn 06 tháng đối với 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda Airblade, màu vàng bạc đen, biển số 59X2-048.76, số khung: RLHJF1802AY716561, số máy: JF27E-0573830, để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, trong thời hạn trên kể từ ngày đăng báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì trả lại cho bà Nguyễn Thị M.

+ Trả lại bị cáo Đinh Văn T: 01 thẻ ATM ngân hàng MB số 4089041023524218; 01 thẻ ATM ngân hàng T2 số 9704078886989132.

+ Trả lại bị cáo Đinh Văn T 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với bị cáo Đinh Văn T.

(Tình trạng vật chứng và tài sản theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17/9/2024 giữa Công an quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền ngày 11/8/2021 tại Kho bạc Nhà nước quận P)

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSNDTP.HCM; (1)
- VKSND Q.PN; (4)
- Bị cáo, người tham gia TT (2)
- Chi cục THADS Q.PN; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Giang